

Số: 277 /QĐ-UBND

Trảng Bom, ngày 09 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Thành phần 1-2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Đồng Nai thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, đoạn tuyến qua phường Trảng Bom (Đợt 2).

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TRẮNG BOM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản và Luật các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 220/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, Sửa đổi, bổ sung một số điều các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, về quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định

số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai, Ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 297/NQ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về triển khai Nghị quyết số 220/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của quốc hội về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án thành phần 1-2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 45/QĐ-TTPTQĐ ngày 17/3/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh về việc giao thực hiện nhiệm vụ thực hiện Dự án thành phần 1-2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 03/4/2026 của UBND tỉnh về việc thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án thành phần 1-2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ các Thông báo thu hồi đất của UBND xã Trảng Bom để thực hiện Dự án Thành phần 1-2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Đồng Nai thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường

Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, đoạn qua xã Trảng Bom (nay là phường Trảng Bom);

Thực hiện Thông báo số 106/TB-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2026 của UBND tỉnh, Kết luận của đồng chí Nguyễn Văn Út - Chủ tịch UBND tỉnh về tiến độ triển khai thực hiện dự án đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh; Thông báo số 183/TB-UBND ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh, Kết luận của đồng chí Nguyễn Văn Út - Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc họp kiểm điểm, đánh giá tình hình triển khai thực hiện giải ngân vốn đầu tư công năm 2026;

Thực hiện Văn bản số 2023/SNNMT-ĐĐ ngày 29/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc xác định giá đất nông nghiệp theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND và Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 135/TTr-KTHTĐT ngày 06 tháng 6 năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Thành phần 1-2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, đoạn tuyến qua phường Trảng Bom (Đợt 2), bao gồm:

1. Phê duyệt Phương án số 585/PA-TTPTQĐ.TB ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Trảng Bom, Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Thành phần 1-2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh. đoạn tuyến qua phường Trảng Bom (Đợt 2), bao gồm:

1.1. Tổng diện tích đất thu hồi: 100.495,9m² đất ở và đất nông nghiệp, đất giao thông, đất SON. Trong đó:

- Đất của hộ gia đình, cá nhân: 87.826,7m² (1.748,1m² đất ở và 86.078,6m² đất nông nghiệp).

- Đất của tổ chức: 12.764,7m² (11.016,6m² đất giao thông và 1.652,6m² đất SON).

1.2. Tổng số trường hợp có đất thu hồi:

38 trường hợp hộ gia đình, cá nhân và tổ chức (trong đó: 01 trường hợp đất tổ chức và 37 trường hợp hộ gia đình, cá nhân).

1.3. Tổng số trường hợp phê duyệt bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 57 trường hợp (01 tổ chức và 56 hộ gia đình, cá nhân) (38 trường hợp có đất, tài sản thu hồi và 19 trường hợp tài sản tạo lập trên đất thu hồi của người khác).

1.4. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không có.

1.5. Phương án bố trí tái định cư:



Chưa lập thủ tục xét bố trí tái định cư do chưa thu thập đầy đủ thông tin đảm bảo quy định. Sau khi đầy đủ thông tin, sẽ lập thủ tục xét và bố trí tái định cư theo quy định.

1.6. Phương án di dời mồ mã trong phạm vi đất thu hồi: 01 trường hợp

1.7. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

1.8. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đợt 2) là: **91.635.676.441 đồng** (Bằng chữ: Chín mươi một tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi sáu ngàn, bốn trăm bốn mươi một đồng).

1.9. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của hộ gia đình, cá nhân và tổ chức là: **88.557.378.204 đồng**, cụ thể:

- Giá trị bồi thường về đất:	39.721.048.877 đồng
- Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà ở:	17.576.253.106 đồng
- Giá trị bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc, tài sản:	9.129.276.624 đồng
- Giá trị bồi thường cây trồng:	3.211.703.682 đồng
- Giá trị chính sách hỗ trợ:	
+ Hỗ trợ ổn định đời sống:	343.800.000 đồng
+ Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:	17.969.295.915 đồng
- Thương bản giao mặt bằng trước thời hạn:	606.000.000 đồng

1.10. Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ (3,5%):

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/02/2025; Điều 15 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh.

Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (3,5%) = Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ (không bao gồm thương bản giao mặt bằng trước thời hạn) * 3,5%: **87.951.378.204 đồng x 3,5% = 3.078.298.237 đồng**.

Trong đó: UBND phường Trảng Bom được trích 15% kinh phí trong tổng kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

Kinh phí của UBND phường Trảng Bom là: **3.078.298.237 đồng x 15% = 461.744.736 đồng**.

(Đính kèm bảng tổng hợp bồi thường, hỗ trợ)

1.11. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Trảng Bom thực hiện theo Khoản 4 Điều 87 Luật Đất đai năm 2024 và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Điều 94 Luật Đất đai năm 2024 và Điều 25 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ.

2. Phê duyệt các Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất để

thực hiện dự án: Thành phần 1-2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh (đoạn tuyến qua phường Trảng Bom), gồm 57 Phương án từ số 528 đến số 584/PA-TTPTQĐ.TB ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Trảng Bom (Đợt 2).

3. Các nội dung khác: Không có.

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên liên quan:

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Trảng Bom có trách nhiệm:

- Phối hợp với Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Trảng Bom và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

- Gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đến người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được Ủy ban nhân dân phường phê duyệt.

2. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị có trách nhiệm:

- Phối hợp thực hiện việc niêm yết Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Trảng Bom và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

- Hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân phường ban hành Quyết định thu hồi đất đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi theo quy định.

3. Hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có trách nhiệm:

Tự tháo dỡ, di dời tài sản và thu hoạch cây trồng (nếu có) gắn liền với đất được bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng cho Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Trảng Bom đúng thời gian quy định.

4. Chủ đầu tư Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Đồng Nai có trách nhiệm:

Chuyên kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Trảng Bom để chi trả theo quyết định phê duyệt.

5. Kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng ý thì có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định pháp luật hiện hành. Trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phải chấp hành việc bàn giao mặt bằng và thực hiện theo khoản 3 Điều 2 của Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, Thủ trưởng các Phòng, Ban: Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Văn phòng Đăng ký đất



đại thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Trảng Bom; Thuế cơ sở 6 thành phố Đồng Nai; Phòng giao dịch số 01, thuộc Kho bạc Nhà nước Khu vực XVII; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Trảng Bom; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Đồng Nai và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /W

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường;
- Chánh, Phó Chánh VP. HĐND&UBND phường;
- Văn phòng ĐKĐĐ thành phố Đồng Nai;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Trung Tính



BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ, TẠI ĐỊNH CƯ (PQT 2)

Thuộc dự án Dự án Thành phần 1-2: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên theo địa phận tỉnh Đồng Nai thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh (doạn tuyến qua phường Trảng Bòm) (Kèm theo Quyết định số QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Trảng Bòm)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Tổng cộng	Phí sử dụng đất	Chi phí bồi thường	Đất nông nghiệp	Đất rừng	Đất rừng ngập mặn khác	Chi trả bồi thường, hỗ trợ về đất	Chi trả bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Chi trả bồi thường, hỗ trợ về kiến trúc và tài sản khác	Chi trả bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Chi trả bồi thường, hỗ trợ về sản phẩm nông nghiệp	Chi trả về các chính sách hỗ trợ	Thương hàn giao nhận	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
1	Nguyễn Văn Minh (tên sau họ lập trên thửa đất số 47, tờ bản đồ số 79)	phường Trưng Bôn, thành phố Đông Nai	1764,1	300	1464,1	-	-	-	3.082.449.850	607.472.250	726.035.584	11.752.654	28.800.000	-	20.000.000	4.476.528.338
2	Đinh Văn Cường và bà Phạm Thị Duyên	Thị trấn Vĩnh An, thành phố Đông Nai	4.807	-	4.807	-	-	-	2.574.148.500	-	-	-	3.600.000	-	20.000.000	2.597.748.500
3	Nguyễn Văn Chân	Phường Trưng Bôn, thành phố Đông Nai	3399,8	-	3399,8	-	-	-	837.472.734	-	-	-	1.055.637.900	-	20.000.000	2.086.523.914
4	Đinh Quốc Thành và bà Trần Thị Thủy Vân	Ấp Tân Hòa, phường Hồ Nai	9,2	-	9,2	-	-	-	6.801.644	-	-	-	1.800.000	-	2.000.000	10.401.644
5	Đương Minh Năm	Ấp Tân Hòa, xã Hưng Thịnh	300,4	-	300,4	-	-	-	4.115.071.898	314.243.856	287.113.390	157.610.112	14.400.000	-	20.000.000	4.908.439.256
6	Trần Văn Vinh	phường Trưng Bôn, thành phố Đông Nai	300,7	-	300,7	-	-	-	240.171.615	340.847.000	69.973.730	-	3.600.000	-	20.000.000	674.592.343
7	Phạm Văn Bình	phường Trưng Bôn, thành phố Đông Nai	1.095,1	-	1.095,1	-	-	-	64.932.300	298.048.800	974.024.080	1.645.085	-	-	20.000.000	1.858.670.465
8	Ông Nguyễn Văn Kim và bà Nguyễn Thị Trang	phường Trưng Bôn	3691,7	-	3691,7	-	-	-	1.108.063.755	577.061.580	185.968.940	175.065.783	14.400.000	-	20.000.000	1.968.524.182
9	Nguyễn Thị Tuyên	phường Trưng Bôn	22,2	-	22,2	-	-	-	558.413.820	306.625.100	43.847.560	72.137.227	14.400.000	-	20.000.000	1.048.824.127
10	Nguyễn Thị Liên	Ấp 3 xã Trưng Bôn (tên cũ là K2P 5, thành phố Trảng Bòm, tỉnh Đồng Nai)	22,2	-	22,2	-	-	-	5.310.018	-	-	1.213.680	3.600.000	-	2.000.000	18.816.698
11	Nguyễn Thị Thủy Hằng (tên sau họ lập trên thửa đất số 1094, tờ bản đồ số 79)	Ấp An Chín, xã Bình Minh	837,6	-	837,6	-	-	-	-	-	43.200.000	2.616.042	-	-	-	45.816.042
12	Võ Nhật Thành (tên sau họ lập trên thửa đất số 1094, tờ bản đồ số 79)	phường Hiệp Bình, TP Hồ Chí Minh	1565,8	-	1565,8	-	-	-	378.485.900	-	-	1.400.000	-	-	-	5.157.000
13	Hồ Dung Nguyễn Minh Sung	phường Trưng Bôn	6834,3	-	6834,3	-	-	-	1.634.686.217	-	780.133.828	326.494	-	-	20.000.000	2.435.156.539
14	Phạm Thị Anh Nga (tên cũ là Phạm Thị Hằng)	Ấp 3 xã Trưng Bôn (tên cũ là K2P 5, thành phố Trảng Bòm, tỉnh Đồng Nai)	4219,2	-	4219,2	-	-	-	1.009.190.448	-	497.956.486	3.133.575	-	-	-	1.510.280.509
15	Phạm Thị Anh Nga (tên cũ là Phạm Thị Hằng)	phường Trưng Bôn, TP Đồng Nai	1565,8	-	1565,8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	882.016.860
16	Phạm Văn Thành (tên cũ là Phạm Văn Thành)	Xã Bà Diên, thành phố Hồ Chí Minh	4219,2	-	4219,2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	40.678.601
17	Đương Văn Tý (tên sau họ lập trên thửa đất số 739, tờ bản đồ số 79)	phường Trưng Bôn, TP Đồng Nai	4485,6	-	4485,6	-	-	-	314.000.000	-	58.406.000	280.000	-	-	-	372.486.000
18	Trần Ngọc Kim và bà Vũ Thị Xuân	phường Trưng Bôn	1999,7	-	1999,7	-	-	-	1.411.700.280	92.139.730	39.775.383	-	-	-	20.000.000	2.495.648.373



